

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-05-2018  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Âu Gia V

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị N;

2. Ông Trần Văn H.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung H – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Mỹ D - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 1243/2017/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2018/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chung Mỹ T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 38/37/2 tổ 76, đường số 2, khu phố 5, phường Bình Hưng Hoà B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: D15/25/15R tổ 4 ấp 4B, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay - nguyên đơn bà Chung Mỹ T trình bày: Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2006.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/KH/2006 quyển số 01/HT của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/10/2006).

Chung sống một thời gian, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T tính tình gia trưởng, thường xuyên la

mắng chửi bới, đánh đập bà vì những lý do vô cớ. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm hiện nay cũng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tài.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Chung N, sinh ngày 20/11/2008.

Bà Thanh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Chung N và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà xác định hai vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định hai vợ chồng không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Công T vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.*

Phía ông Nguyễn Công T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt. Ngày 10/01/2018 ông Tài có gửi Tờ trình theo tường bư điện cho Tòa án trình bày những nội dung sau.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Chung N, sinh ngày 20/11/2008

Theo ông T hiện tại bà T không có việc làm sống phụ thuộc vào gia đình nên việc bà T yêu cầu nuôi con là ngoài khả năng của bà T và việc bà T yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con một tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là quá đáng.

Về tài sản chung: theo ông T trình bày trong thời gian chung sống gia đình sinh hoạt bằng đồng lương công nhân của ông hơn ba triệu đồng một tháng nên không có dư để có tài sản chung vì vậy không có gì để thỏa thuận. Trong thời gian chung sống với bà T ông có mua nhà, đất và xe bằng tiền riêng của ông nên đây là tài sản riêng của ông. Những tài sản này giấy tờ hiện bà T đang giữ ông yêu cầu bà T phải trả lại cho ông.

Do ông Nguyễn Công T, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông vẫn vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh: phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 267 BLTTDS; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện

của bà Chung Mỹ T; Giao trẻ N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Về án phí bà Thanh chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Bà Chung Mỹ T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Công T. Đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Công T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ kiện và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Nguyễn Công T theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

#### **2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:**

Bà Chung Mỹ T và ông Nguyễn Công T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2006. Có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/KH/2006 quyển số 01/HT của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/10/2006). Vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Thanh và ông Tài là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời trình bày của bà Thanh thì bà và ông Tài sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Thanh là do ông Tài tính tình gia trưởng, thường xuyên la mắng chửi bới, đánh đập bà vì những lý do vô cớ. Bà và ông Tài đã không còn chung sống từ năm 2014 cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng bà Thanh, ông Tài đã trầm trọng, nhưng giữa hai vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình tòa án giải quyết vụ án, ông Tài và bà Thanh cương quyết ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng thương yêu và quý trọng lẫn nhau, cùng nhau chăm lo cho con cái. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Thanh và ông Tài không còn hòa thuận và quý trọng lẫn nhau, không còn chung sống cùng nhau vun đắp xây dựng gia đình và chăm lo cho con cái. Mặt khác, ông Tài cũng không muốn hàn gắn tình cảm với bà Thanh qua việc không đến tòa tham gia giải quyết việc kiện, hòa giải với bà Thanh để vợ chồng quay về đoàn tụ. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Thanh là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà T và ông T có một con chung tên Nguyễn Chung N, sinh ngày 20/11/2008. Trẻ N hiện đang sống cùng bà T.

Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tại biên bản tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2017 trẻ N có nguyện vọng được ở với mẹ. Nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ Nguyễn hội đồng xét xử quyết định giao trẻ N cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Tại phiên tòa hôm nay bà T thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Ông T ông làm công nhân mức lương chỉ hơn ba triệu đồng một tháng.

Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Khoản 1, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo qui định tại điểm b, mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý...".

Theo mức lương mà ông T thừa nhận cũng như đối chiếu với các quy định pháp luật nêu trên Hội đồng xét xử quyết định buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi trẻ Nguyễn trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T cũng như ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

**3. Về án phí:** Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, bà Thanh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Chung Mỹ T đối với ông Nguyễn Công T.

1.1. Bà Chung Mỹ Thanh được ly hôn với ông Nguyễn Công T

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/KH/2006 quyển số 01/HT của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09/10/2006 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà T và ông T có một con chung là Nguyễn Chung N, sinh ngày 20/11/2008

2.1. Giao con chung Nguyễn Chung N, sinh ngày 20/11/2008 cho bà Chung Mỹ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Ông T được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con là bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T theo qui định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Ông Nguyễn Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được qui định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ ngày 01/06/2018. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Chung Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0030634 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Công T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

**Nơi nhận:**

- TAND TP HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Lưu sổ án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Âu Gia Vượng**